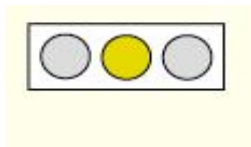


交差点（こうさてん）などでゆずり合うことは、かえって渋滞（じゅうたい）や事故（じこ）の原因（げんいん）になるのではない方（ほう）がよい。
Việc nhường đường cho nhau tại các giao lộ（こうさてん）và những nơi tương tự nên tránh để không gây ra tắc nghẽn（じゅうたい）và tai nạn（じこ）do đó là nguyên nhân.



この信号機（しんごうき）の信号（しんごう）に対面（たいめん）する車（くるま）は、停止線（ていしせん）で安全（あんぜん）に停止（ていし）できる場合であっても、他（た）の交通（こうつう）に注意（ちゅうい）して徐行（じょこう）すれば交差点（こうさてん）に進入（しんにゅう）してもよい。

Tín hiệu đèn này（しんごうき）cho phép xe（くるま）đối diện（たいめん）dừng lại an toàn（あんぜん）tại vạch dừng（ていしせん），ngay cả khi có thể tiến vào（しんにゅう）ngã tư，miễn là xe chú ý（ちゅうい）đến giao thông（こうつう）khác và đi chậm（じょこう）.

踏切（ふみきり）とその前後30メートル以内（ぜんごさんじゅうメートルい）の場所（ばしょ）では、自動車（じどうしゃ）や原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）を追越（おいこ）してはならない。
Ở đường ray（ふみきり）và trong khoảng 30 mét trước và sau đó，không được vượt xe ô tô（じどうしゃ）hoặc xe đạp có động cơ gắn kèm（げんどうきつきじてんしゃ）.



この二つの標識（ひょうしき）の組み合わせは、50キロメートルの速度（そくど）を超えて追い越すとき、多少のはみ出しはよいことを表（あらわ）している。

Khi kết hợp hai biển báo này，nó biểu thị cho phép một chút vượt ra ngoài khi vượt qua với tốc độ trên 50 km/h.

走行中（そうこうちゅう）に緊急自動車（きんきゅうじどうしゃ）が近づいてきたときは、道路の中央（ちゅうおう）によって進路（しんろ）をゆずらなくてはならない。

Khi trong quá trình di chuyển，xe cứu thương（kinkyū jidōsha）tiến đến gần，ta phải nhường đường bằng cách đi vào giữa đường（chūō）để nhường quyền ưu tiên.



この標識（ひょうしき）があるところでは、普通（ふつう）自動車（じどうしゃ）だけが軌道（きどう）敷（しき）内（ない）を通行（つうこう）することができる。

Ở nơi có biển báo này, chỉ có xe ô tô thông thường mới được phép đi qua trong phạm vi đường ray.

前（まえ）の自動車（じどうしゃ）を追（お）い越（こ）すときは、必（かなら）ず警音器（けいおんき）をならして、追い越し（おいこ）することを合図（あいず）してから追い越さなければならない。

Khi vượt xe phía trước, buộc phải thổi còi cảnh báo bằng còi và chỉ được vượt sau khi đã đưa ra tín hiệu cảnh báo.

交差点（こうさてん）（環状交差点（かんじょうこうさてん）を除（のぞ）く）で左折（させつ）をするときは、内輪差（ないりんさ）による巻（ま）き込（こ）み事故（じこ）を防止（ぼうし）するため、道路（どうろ）の中央（ちゅうおう）に寄（よ）って交差点（こうさてん）の内側（うちがわ）を通行（つうこう）する。

Khi thực hiện lượt rẽ trái tại ngã tư (trừ ngã tư xoay vòng), để tránh tai nạn kéo theo do chênh lệch giữa bánh xe, hãy đi sát bên trong ngã tư bằng cách tiến vào phần trung tâm của đường.



このような路側帯（ろそくたい）で歩行者が通行していない場合は、自動車も通行することができる。

Trường hợp không có người đi bộ đi qua lề đường như vậy, xe ô tô cũng được phép đi qua.

上（のぼ）り坂では発進（はっしん）が難（むずか）しいので、下（くだ）りの車が上（のぼ）りの車に道（みち）をゆずるが、近（ちか）くに待避所（たいひじょ）があるときは、上（のぼ）りの車でもその待避所に入（はい）って待（ま）つとよい。

Trên đường dốc, khởi động xe trở nên khó khăn, vì vậy xe đi xuống phải nhường đường cho xe đi lên. Tuy nhiên, khi gần đến một nơi trú ẩn, cả xe đi lên cũng nên vào nơi trú ẩn đó và đợi.



この図の位置で駐車しているA車は、駐車違反（ちゅうしゃいはん）とはならない。

Ở vị trí trong hình này, xe A đỗ xe và không vi phạm luật đỗ xe.



高齢運転者（こうれいうんてんしゃ）がこのマークをつけて運転しているときは、危険を避けるためやむを得ない場合を除いて、この車の側方に幅寄せをしたり、その前方に割り込んではいならない。

Khi người lái xe cao tuổi (こうれいうんてんしゃ) đang lái xe và có biểu tượng này, trừ trường hợp cần thiết để tránh nguy hiểm, không được lấn chiếm làn đường bên cạnh xe này hoặc cắt ngang phía trước xe đó.



この標識（ひょうしき）のある交差点（こうさてん）を普通自動車（ふつうじどうしゃ）で午後（ごご）8時（じ）に右折（うせつ）した。

Tôi đã rẽ phải tại ngã tư có biển báo này bằng xe ô tô thông thường vào lúc 8 giờ chiều.



この標識（ひょうしき）は、道路の中央線（ちゅうおうせん）のあるところを示しているが、中央線は必（かなら）ずしも道路の中央（ちゅうおう）にあるとは限（かぎ）らない。

Biển báo này cho thấy vị trí của đường giữa (chữ Hán: 中央線, phiên âm: ちゅうおうせん) trên đường, tuy nhiên đường giữa không nhất thiết phải ở giữa đường (chữ Hán: 中央, phiên âm: ちゅうおう).

自動車（じどうしゃ）は同一方向（どういつほうこう）に三つ以上の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）があるときで、もっとも右側の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）を通行する車がないときは、常にもっとも右側の通行帯（つうこうたい）を通行してもよい。

Khi có ba làn đường trở lên trong cùng một hướng, ô tô được phép đi trên làn đường xe cùng chiều nằm bên phải nhất nếu không có xe nào đi trên làn đường đó.

信号（しんごう）が青（あお）になっても前（まえ）の車（くるま）が発進（はっしん）しない場合は、発進（はっしん）を促すために警音器（けいおんき）を鳴らしてよい。

Khi đèn tín hiệu (しんごう) chuyển sang màu xanh (あお), nếu xe phía trước không khởi hành (はっしん), bạn được phép kêu còi (けいおんき) để khuyến khích khởi hành.

仮免許（かりめんきょ）で練習のため車の運転をするときは、指導者からの同乗指導（どうじょうしどう）を受けながら運転しなければならないが、第一種運転免許保持者（だいいっしゅうんてんめんきょほじしゃ）が指導者の場合、指導者は、その車を運転することができる免許（めんきょ）を3年以上受けていなければならない。

Khi thực hiện lái xe để luyện tập với giấy phép tạm thời (かりめんきょ), bạn phải lái xe trong khi nhận hướng dẫn từ người hướng dẫn viên (どうじょうしどう) ngồi cùng. Tuy nhiên, trong trường hợp người hướng dẫn viên là người nắm giữ giấy phép lái xe hạng 1 (だいいっしゅうんてんめんきょほじしゃ), người đó phải đã nhận được giấy phép cho phép lái chiếc xe đó trong ít nhất

交差点（こうさてん）（環状交差点（かんじょうこうさてん）を除（のぞく）で左折（させつ）するときは、あらかじめできるだけ道路（どうろ）の左端（ひだりはし）に寄（よ）り、交差点（こうさてん）の側端（そくたん）に沿（そ）って減速（げんそく）しなければならない。

Khi rẽ trái tại ngã tư (kousaten) (loại bỏ ngã tư vòng) , bạn phải trước tiên tiến gần phía bên trái của đường, và giảm tốc dọc theo mép của ngã tư.

自動車（じどうしゃ）の運転者（うんてんしゃ）はもちろん、歩行者（ほこうしゃ）や自転車（じてんしゃ）に乗る人（ひと）も、自動車の死角（しかく）、内輪差（ないりんさ）など自動車の特性（とくせい）をよく知ることが大切（たいせつ）である。

Người lái xe ô tô (jidousha) và cả người đi bộ (hokousha) hay người đi xe đạp (jitensha) cũng cần hiểu rõ về những đặc điểm của ô tô như điểm mù (shikaku) và sự chênh lệch nội bộ (nairinsa). Điều này rất quan trọng

発進（はっしん）するときは、発進（はっしん）する前（まえ）に安全（あんぜん）を確認（かくにん）してから方向指示器（ほうこうしじき）などで合図（あいず）をし、もう一度バックミラーなどで周囲（しゅうい）の安全（あんぜん）を確かめてから発進（はっしん）するのがよい。

Khi xuất phát (hasshin), trước khi xuất phát, hãy kiểm tra an toàn và sau đó sử dụng các tín hiệu hướng như đèn tín hiệu để ra hiệu, và sau đó hãy kiểm tra an toàn xung quanh bằng gương chiếu hậu và tiến hành xuất phát khi đã đảm bảo an toàn xung quanh.

雨（あめ）に濡れた道路（どうろ）を走（はし）るときや、重（おも）い荷物（にもつ）を積（つ）んでいる場合（ばあい）は、制動距離（せいどうきょり）が長（なが）くなる。

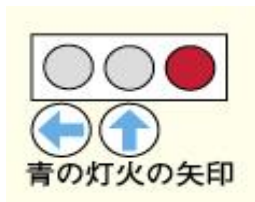
Khi lái xe trên đường bị ướt do mưa (ame), hoặc khi mang theo những vật nặng (omoi nimotsu), khoảng cách phanh (seidou kyori) sẽ dài hơn.

上り坂（のぼりか）で前車（ぜんしゃ）に続いて停止（ていし）するとき
は、前車が下（さ）がってきて衝突（しょうとつ）するおそれがあるので、
車間距離（しゃかんきょり）をいつもより長（なが）くとるとよい。

Khi đi trên đường dốc, nếu bạn đang theo sau xe phía trước và dừng lại, có nguy cơ xe phía trước sẽ lùi lại và có thể xảy ra va chạm. Vì vậy, hãy giữ khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước lâu hơn so với bình thường.

交差点（こうさてん）で右折（うせつ）しようとしている自動車（じどうしゃ）
が、この信号機（しんごうき）の信号（しんごう）に対面（たいめん）し
たときは、停止線（ていしせん）をこえて交差点（こうさてん）の中心
（ちゅうしん）まで進（すす）み、右折（うせつ）の右矢印（みぎやじるし）
に变（か）わるまで待（ま）たなければならない。

Khi xe ô tô đang chuẩn bị rẽ phải tại giao lộ, khi xe ô tô này đối mặt với đèn tín hiệu giao thông của đèn giao thông này, bạn phải tiến vượt qua vạch dừng và đi đến trung tâm của giao lộ và phải chờ đến khi mũi tên rẽ phải hiển thị trước khi rẽ phải.



Aは、左折可（させつか）の標示板（ひょうじばん）であり、Bは、一方通行（いっぽうつうこう）の標識（ひょうしき）である。

A là biển chỉ dẫn cho phép rẽ trái, được đánh dấu bằng bảng hiển thị (させつか). B là biển chỉ dẫn hướng đi một chiều, được đánh dấu bằng biển (いっぽうつうこう).



交通規則（こうつうきそく）を守（まも）ることは、他人（たにん）の生命（せいめい）や身体（からだ）を守（まも）ることになるが、自分自身（じぶんじしん）のためにはならない。

Tuân thủ các quy tắc giao thông (こうつうきそく) có nghĩa là bảo vệ tính mạng (せいめい) và sức khỏe (からだ) của người khác, nhưng không phải vì lợi ích cá nhân (じぶんじしん).

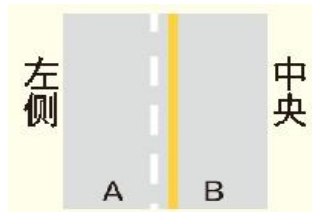


図(ず)の標識(ひょうしき)は、環状交差点(かんじょうこうさてん)であることを示(しめ)している。

Biển báo(ひょうしき) trong hình chỉ ra rằng đó là một giao lộ vòng(かんじょうこうさてん).

優先道路(ゆうせんどうろ)を通行(つうこう)している場合は、交差点(こうさてん)の手前(てまえ)30メートル以内(いない)でも追い越すことができる。

Trường hợp đang đi trên đường ưu tiên(ゆうせんどうろ), bạn có thể vượt xe khác ngay cả trong vòng 30 mét trước giao lộ(こうさてん).



図(ず)のような車両通行帯(しゃりょうつうこうたい)ではAからBに進路(しんろ)を変更(へんこう)してもよいが、BからAに進路(しんろ)を変更(へんこう)してはならない。

Trên các làn đường thông qua phương tiện(しゃりょうつうこうたい) như trong hình(ず), bạn có thể thay đổi hướng từ A đến B, nhưng không được thay đổi hướng từ B đến A.



この標示(ひょうじ)は「安全地帯(あんぜんちたい)」を示(しめ)しているが、安全地帯(あんぜんちたい)に歩行者(ほこうしゃ)がいなければ、車(くるま)は中(なか)に立(た)ち入(い)ることができる。

Biển chỉ(ひょうじ) này đánh dấu "vùng an toàn"(あんぜんちたい), nhưng nếu không có người đi bộ trong vùng an toàn, xe(くるま) có thể vào trong vùng đó.



この標識(ひょうしき)は、自転車(じてんしゃ)および歩行者専用道路(ほこうしゃせんようどうろ)であることを表(あらわ)している。

Biển chỉ này(ひょうしき) đánh dấu rằng đây là đường dành riêng cho xe đạp(じてんしゃ) và người đi bộ(ほこうしゃせんようどうろ).

(車(くるま))を(発進(はっしん))させるときは、(発進(はっしん))の(合図(あいず))をし、もう(一度(いちど))バックミラーなどで(前後(ぜんご))(左右(さゆう))の(安全(あんぜん))を(確(たし))かめなければならない。

Khi khởi động xe, bạn phải tạo ra tín hiệu khởi động, và phải kiểm tra an toàn phía trước, phía sau và hai bên bằng gương hậu hoặc các phương tiện khác một lần nữa.

住宅街(じゅうたくがい)を走行中(そうこうちゅう)、見通し(みとお)の悪(わる)い路地(ろじ)に近(ちか)づいてきたので、警音器(けいおんき)を鳴(な)らして通過(つうか)した。

Trong quá trình đi qua khu dân cư, khi tiến đến con đường hẻm mà tầm nhìn kém, tôi đã kích hoạt còi cảnh báo để đi qua.

左右(さゆう)の見通し(みとお)のきかない交差点(こうさてん)では、警音器(けいおんき)を鳴(な)らすだけでなく、減速(げんそく)したり徐行(じょこう)することも大切(たいせつ)である。

Tại những ngã tư không có tầm nhìn rõ phía trái phải, không chỉ cần kích hoạt còi cảnh báo mà còn quan trọng phải giảm tốc độ và điều chỉnh tốc độ chậm.

この標識(ひょうしき)により進行方向(しんこうほうこう)が指定(してい)されている通行帯(つうこうたい)では、やむを得(え)ない場合(ばあい)のほか指定(してい)された方向以外(ほうこういがい)は進行(しんこう)してはいけない。

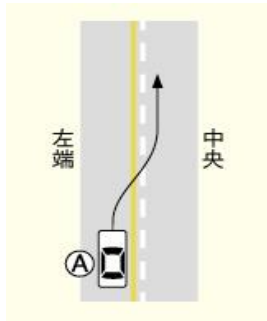
Tại làn đường chỉ định được xác định bởi biển báo này, hướng di chuyển (shinkou houkou) đã được chỉ định (shitei). Ngoại trừ trong trường hợp không thể tránh khỏi, không được tiến xa hướng khác ngoài hướng đã được chỉ định.



この標識(ひょうしき)の下(した)に補助標識(ほじょひょうしき)で「原付(げんつき)を除(のぞ)く」と表示(ひょうじ)されているとき、原動機付自転車(げんどうきつきじてんしゃ)は進入(しんにゅう)できないが、自動車(じどうしゃ)は進入(しんにゅう)することができる。

Khi dưới biển báo này có biển bổ trợ được hiển thị "Trừ xe mô tô hai bánh", xe đạp động cơ không được phép vào, nhưng ô tô có thể vào.





この標示（ひょうじ）のある道路（どうろ）では、矢印（やじるし）のように進路（しんろ）を変（か）えてもよい。

Trên con đường có biển chỉ dẫn này, bạn có thể thay đổi hướng đi như mũi tên hiển thị.



この標識（ひょうしき）がある場所（ばしょ）では、すぐに停止（ていし）できる速度（そくど）で進（すす）まなくてはならない。

Tại nơi có biển báo này, bạn phải di chuyển với tốc độ mà có thể dừng lại ngay lập tức.

追越（おいこ）するときには、前（まえ）の車（くるま）が追越（おいこ）されていることに気（き）づかず寄（よ）ってくることがあるので、追越（おいこ）をするまえに警音器（けいおんき）を鳴（な）らして合図（あいず）することが必要（ひつよう）である。

Khi thực hiện việc vượt xe, có thể xảy ra tình huống xe phía trước không nhận ra và chạy gần vào, do đó trước khi vượt, cần cảnh báo bằng còi và tín hiệu để xác nhận rõ ràng rằng xe phía trước đã được vượt.

徐行（じょこう）をしようとするときは、左（ひだり）に方向指示器（ほうこうしじき）を操作（そうさ）してから徐行（じょこう）する。

Khi muốn giảm tốc độ, hãy hoạt động cần điều chỉnh chỉ báo hướng sang trái trước khi thực hiện tốc độ giảm.

運転者（うんてんしゃ）は、車（くるま）に乗（の）るときや降（お）るときには、ドアを開（あ）ける前（まえ）に後方（こうほう）の安全（あんぜん）を確（たし）かめる。

Người lái xe khi lên xe hoặc xuống xe, cần kiểm tra an toàn phía sau trước khi mở cửa.



左（ひだり）の標識（ひょうしき）は、原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）が右折（うせつ）するとき、交差点（こうさてん）の側端（そくたん）に沿（そ）って通行（つうこう）し、二段階右折（にだんかいうせつ）をしなければならない。右（みぎ）の標識（ひょうしき）は、原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）が右折（うせつ）するとき、あらかじめ道路（どうろ）の中央（ちゅうおう）に（一方通行（いっぽう））は右端（みぎはし）に）寄（よ）り、右折（うせつ）しなければならない。

Biển báo bên trái yêu cầu xe đạp động cơ khi rẽ phải tại giao lộ, phải đi dọc theo viền phía bên của giao lộ và thực hiện rẽ phải theo phương pháp rẽ phải hai giai đoạn. Biển báo bên phải yêu cầu xe đạp động cơ khi rẽ phải tại giao lộ, trước đó phải đi sát vào trung tâm đường (nếu đường một chiều thì



この標識（ひょうしき）があるときは、矢印（やじるし）の方（ほう）へは横断（おうだん）することができない。

Khi có biển báo này, không được vượt qua phần có mũi tên.

シートの位置（いち）は、ハンドルを持（も）ったとき、ひじがピンと伸（の）びた状態（じょうたい）に合（あ）わせる。

Vị trí của ghế (いち) được điều chỉnh sao cho khi cầm lái, khuỷu tay được duỗi thẳng và phù hợp với tư thế này.

前（まえ）の車（くるま）が右折（うせつ）の合図（あいず）をし、右側（みぎがわ）に進路（しんろ）を変（か）えようとしていたので、警音器（けいおんき）を鳴（な）らして注意（ちゅうい）を促（うなが）し、その車（くるま）の右側（みぎがわ）を追越（おいこ）した。

Xe phía trước đã đưa ra tín hiệu rẽ phải và đang cố gắng thay đổi làn phía bên phải, vì vậy tôi đã sử dụng còi cảnh báo và vượt qua xe đó từ phía bên phải, để nhắc nhở và cảnh báo.

運転（うんてん）するときは、免許証（めんきょしょう）を紛失（ふんしつ）するといけないので、コピーしたものを携帯（けいたい）して運転（うんてん）する。

Khi lái xe, không được để mất giấy phép lái (めんきょしょう), vì vậy hãy mang theo bản sao khi lái xe.



この標識（ひょうしき）は、この先（さき）には学校（がっこう）、幼稚園（ようちえん）、保育所（ほいくしょ）などがあることを示（しめ）している。

Biển báo này cho thấy rằng ở phía trước có trường học (がっこう), nhà trẻ (ようちえん), và nhà trẻ con (ほいくしょ).

左側部分（ひだりがわぶぶん）の幅（はば）が6メートル未満（みまん）の見通しの良い道路で、他の車を追い越すときは、中央から右側にはみ出して通行することができる。（標識や標示によって禁止されている場合を除く。）

Trên đoạn đường có phần bên trái (ひだりがわぶぶん) có chiều rộng dưới 6 mét (みまん) và tầm nhìn tốt, khi vượt xe khác, bạn có thể đi lấn sang phần bên phải từ giữa đường (ちゅうおう) (ngoại trừ các trường hợp bị cấm theo biển báo hoặc chỉ dẫn).



これらの標識（ひょうしき）は、時速（じそく）50キロメートルを超（こ）える速度（そくど）で走行（そうこう）する場合（ばあい）だけ、追（お）い越（こ）しを禁止（きんし）している。

Những biển báo này chỉ cấm vượt xe khi di chuyển với tốc độ vượt quá 50 kilômét/giờ.

道路（どうろ）が歩行者（ほこうしゃ）で混雑（こんざつ）しているときは、警音器（けいおんき）を鳴らし、歩行者に注意（ちゅうい）を促（うなが）して進行（しんこう）した方（ほう）がよい。

Khi đường đang kẹt xe với nhiều người đi bộ, hãy kích hoạt còi cảnh báo và điều chỉnh chú ý cho người đi bộ trước khi tiến hành điều khiển xe.

交通（こうつう）事故（じこ）や故障（こしょう）で困（こま）っている人（ひと）を見（み）たときは、徐行（じょこう）したり、停止（ていし）したりすると交通（こうつう）の渋滞（じゅうたい）の原因（げんいん）になるので、速（すみ）やかに通（とお）り過（す）ぎるのがよい。

Khi bạn nhìn thấy người gặp khó khăn do tai nạn giao thông hoặc hỏng hóc, hãy chú ý giảm tốc độ hoặc dừng lại vì điều này có thể gây tắc nghẽn giao thông. Hãy đi qua một cách nhanh chóng và suôn sẻ.